

THỨC ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC

ThS. Phạm Khắc Khoan*

Cổ phần hóa Ngân hàng Thương mại Nhà nước (NHTM NN): một bước đi tất yếu.

Trong thời gian qua, việc cổ phần hóa (CPH) các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã đem lại khá nhiều tác động tích cực đối với sự phát triển của đất nước. Ngành Ngân hàng khi thực hiện chủ trương nói trên với bối cảnh kinh tế như vậy, cũng không nằm ngoài xu thế này. Chính phủ Việt Nam đã thông qua một chiến lược cải cách hệ thống NHTM nhằm khôi phục sự lành mạnh của cả hệ thống ngân hàng, cải thiện tình an toàn, hiệu quả của chức năng trung gian tài chính cho nền kinh tế. Chương trình cải cách này đã và đang được thực hiện với mục tiêu duy trì sự phát triển và ổn định hệ thống, phù hợp với khuôn khổ kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Một loạt các biện pháp chính sách đã được thực hiện nhằm tăng cường và củng cố hoạt động của hệ thống NHTM NN, kể cả việc cơ cấu lại tài chính thông qua xử lý nợ xấu và cấp vốn bổ sung từ phía Chính phủ. Từ năm 2001 đến nay, 4 NHTM QD lớn của Việt Nam là Vietcombank, Incombank, Agribank và BIDV đã được Nhà nước cấp bổ sung khoảng 10.000 tỷ đồng để tăng vốn, tiến tới chuẩn mực quốc tế. Vì vậy,

theo lộ trình dự kiến, để đạt chỉ số an toàn vốn (CAR 8%) thì từ nay đến năm 2010, các NHTM Việt Nam phải được bổ sung một lượng vốn tự có ước tính lên tới 117.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, để giải quyết nợ xấu, các NHTM NN cần 1 tỷ - 1,5 tỷ USD.

Theo đánh giá, tiềm lực tài chính của các NHTMNN yếu (tổng tài sản của ngân hàng lớn nhất xấp xỉ trên dưới 10 tỷ USD, vốn tự có chưa đến 500 triệu USD), trình độ quản lý công nghệ lạc hậu sẽ phải cạnh tranh với những "đối thủ khổng lồ" như các tập đoàn tài chính HSBC, Citibank... có tổng tài sản hàng nghìn tỷ USD và có cách thức quản lý, công nghệ ngân hàng hết sức hiện đại. Do đó, để cạnh tranh và tồn tại, các NHTM NN cần phải tập trung vào việc tăng vốn tự có mà CPH là một trong những giải pháp thiết yếu.

Mục đích của CPH NHTM NN là đổi mới phương thức tạo vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng, thay đổi phương thức quản lý điều hành, áp dụng các công nghệ hiện đại của thế giới; ứng dụng phương pháp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng của các nước tiên tiến, góp phần lành mạnh hóa và minh bạch tình hình tài chính của các doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện cuộc sống của nhân

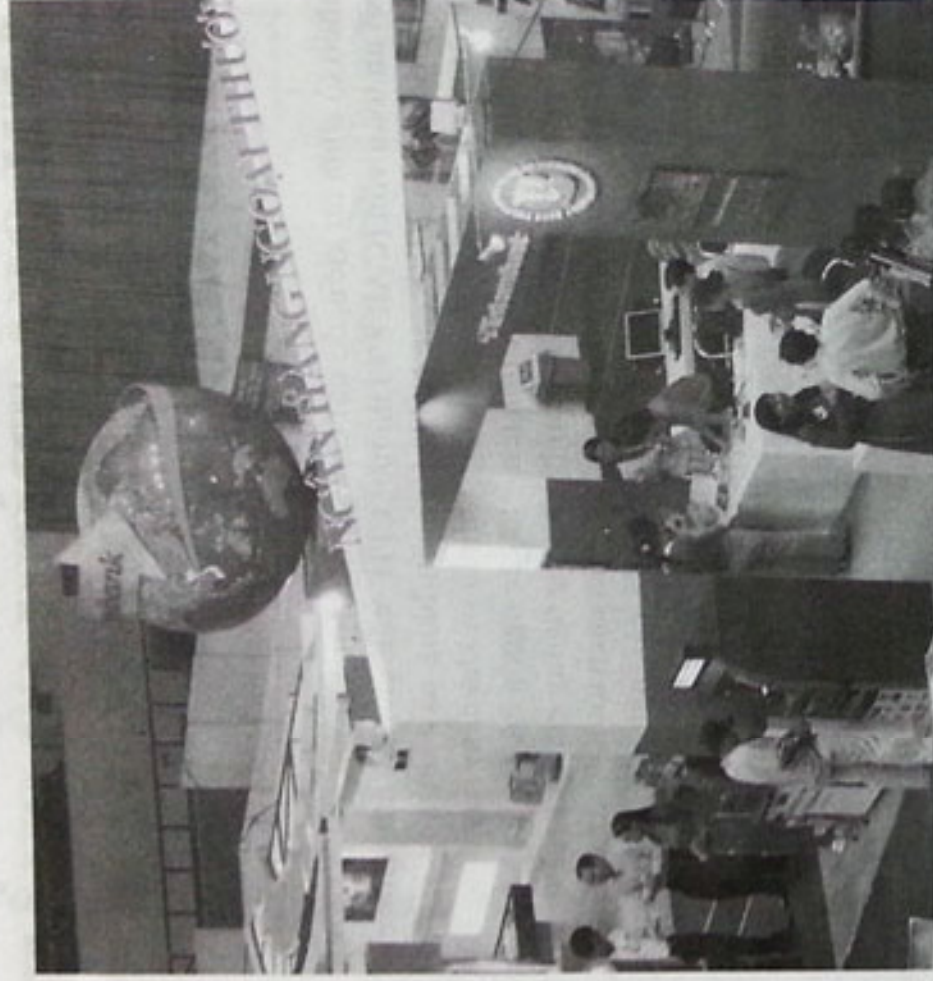
dân. Một khi các NHTM NN CPH, vốn chủ sở hữu của các ngân hàng này sẽ tăng lên rất nhiều và khả năng huy động vốn từ các nguồn lực trong xã hội sẽ không ngừng gia tăng, và do đó, đây là cách tốt nhất để tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển kinh tế đất nước. Hơn nữa, CPH NHTM NN góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, đồng thời tạo hàng hóa chất lượng cung cấp trên thị trường chứng khoán.

Chính sách nhất quán của Chính phủ về CPH NHTM NN như VCB, MHB.

Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc lành mạnh hóa khu vực ngân hàng thông qua việc triển khai Đề án củng cố, chấn chỉnh các NHTM CP (1998) và Đề án cơ cấu lại các NHTM NN (2001) nhằm lành mạnh hóa tài chính, tăng cường kỹ luật thị trường trong hoạt động ngân hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng. Chương trình cải cách ngân hàng cũng nhận được sự hỗ trợ quan trọng về tài chính và kỹ thuật của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là WB, ADB, IMF và chính phủ các nước.

Việc CPH NHTM NN được khởi động năm 2004 với phương

Ngân hàng Ngoại thương VN (*)



Quỹ trưởng bày của Ngân hàng Ngoại thương tại hội triển lãm BH-TC-NH

thức là bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế (về kiểm toán, định giá, phát hành), minh bạch và an toàn hoạt động nhằm nâng cao năng lực tài chính, công nghệ và quản trị điều hành của các NHTM NN sau CPH. Ngày 30/03/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 11/2004/CT-TTg nhằm tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Đề án CPH VCB và MHB. Theo dự kiến thì quá trình CPH các NHTM NN phải được hoàn thành trước năm 2010 (ngoại trừ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn do tính chất đặc thù). Phần vốn của Nhà nước tại các NHTM NN sau khi CPH sẽ giảm

dẫn so với tỷ lệ đang dự kiến cho VCB là 51%. Chủ trương của Chính phủ là giữ nguyên phần vốn Nhà nước tại VCB và MHB và phát hành thêm lần đầu số cổ phiếu tối đa tương đương 30% giá trị doanh nghiệp. Và các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia mua cổ phiếu của các NHTM NN CPH theo quy định của pháp luật và chính sách đầu tư của Việt Nam (tối đa 30%).

CPH Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB).

Tiến trình CPH VCB được chính thức khởi động tại Chỉ thị số 11/2004/CT-TTg ngày 30/03/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới DNNN theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX). Ngay

sau khi nhận được tín hiệu từ Chính phủ, NHNN đã chỉ đạo sát sao và VCB đã tích cực chuẩn bị, triển khai những bước đi cần thiết phục vụ cho tiến trình CPH. Do đây là lần đầu tiên một doanh nghiệp có quy mô lớn CPH, lại hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng – một lĩnh vực nhạy cảm của nền kinh tế – nên các bước đi đều phải được tính toán thận trọng nhằm tránh xảy ra những biến động tài chính không đáng có.

Đến ngày 21/9/2005, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 230/2005/QĐ-TTg cho phép tiến hành CPH VCB. Theo đó, mục tiêu CPH VCB đã được xác định rõ nhằm: (i) Tăng cường năng lực quản trị điều hành và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và sử dụng vốn; (ii) Tăng cường năng lực tài chính bảo đảm an toàn hoạt động và phát triển VCB thành tập đoàn tài chính hàng đầu của Việt Nam; (iii) Nâng cao sức cạnh tranh của VCB trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; (iv) Giữ vững VCB là một trong những ngân hàng có vai trò chủ đạo trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam.

Căn cứ quyết định số 1652/QĐ-NHNN ngày 16/11/2005 của Thống đốc NHNN, VCB đã phát hành trái phiếu tăng vốn. Nguồn trái phiếu này bổ sung đáng kể một lượng vốn tự có của VCB, góp phần chủ yếu nhằm tăng cường năng lực tài chính cho ngân hàng, cải thiện tỷ lệ an toàn vốn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp của VCB

đề tiến hành CPH. Trong đợt phát hành trái phiếu này, VCB đã phát hành được 1.365 tỷ đồng và được đánh giá là rất thành công vì đã thu hút được mối quan tâm lớn của công chúng đầu tư. Bên cạnh đó, VCB cũng tiến hành kiểm kê, phân loại tài sản, xử lý tài chính trước khi CPH theo Thông tư 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần. Và thực tế, VCB phải trải qua thời gian hơn 4 năm để xử lý nợ tồn đọng, thực hiện chương trình tái cơ cấu. Do tiến hành CPH đối với một loại hình doanh nghiệp đặc biệt, có nhiều yếu tố đặc thù nên ngoài việc tuân thủ các quy định chung về CPH, VCB đã có kiến nghị gửi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung khác phù hợp với tình chất hoạt động của Ngân hàng. Tính đến thời điểm này, hệ số an toàn vốn CAR của VCB theo chuẩn mực quốc tế > 8%, theo chuẩn mực Việt Nam thì CAR > 10%.

Hiện nay, VCB đang trình NHNN để chọn tổ chức tư vấn quốc tế xác định giá trị doanh nghiệp và chọn các cổ đông chiến lược, khẩn trương tiến hành để có thể phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vào đầu năm 2007.

CPH Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (MHB).

Ra đời muộn hơn (năm 1998), với điểm xuất phát thấp, MHB có tốc độ tăng trưởng tổng tài sản nhanh hơn các ngân hàng khác. Năm 2005, tổng tài sản có của MHB đạt 12.700 tỷ đồng, tăng trung bình 50%/năm, đứng thứ 6 trong các ngân hàng Việt Nam. Với số vốn như hiện nay, MHB sẽ phải tăng vốn để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn. Và do đó, việc CPH là cần thiết cho MHB. Tuy nhiên, việc CPH tại MHB đơn giản hơn CPH tại VCB do quy mô hoạt động của MHB chưa lớn, nợ quá hạn thấp và không phải trải qua một bước cơ bản trước khi CPH là cơ cấu tài chính. Với tỷ lệ an toàn vốn 12.92%, và nợ quá hạn trên tổng dư nợ

tính theo chuẩn quốc tế là 2,78%, MHB không phải xử lý nợ quá hạn. Và trong 3 năm gần đây, MHB đã tiến hành kiểm toán quốc tế theo chuẩn quốc tế nên việc xác định giá trị doanh nghiệp sẽ trở nên đơn giản hơn. Hiện tại, MHB đang trình danh sách các tổ chức tư vấn lên Ban chỉ đạo CPH ngân hàng để tiến hành chọn tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp. Dự kiến, số lượng cổ phiếu mà MHB phát hành lần đầu ra công chúng không nhiều như của VCB.

Một số vấn đề cần quan tâm.

Có thể thấy việc CPH các NHTM NN, mà khởi đầu là hai ngân hàng VCB và MHB đang diễn ra rất chậm. Việc chậm trễ trên xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

Trước hết, do hoạt động ngân hàng có tính đặc thù nên trong quá trình cổ phần hóa, các NHTM NN có một số khó khăn; đặc biệt là khó khăn trong việc định giá NHTM (cả tài sản hữu hình và vô hình). Việc định giá tài sản của ngân hàng không những dựa vào giá trị sổ sách, mệnh giá, hay giá trị thị trường như hàng hóa thông thường mà còn dựa vào mức độ rủi ro, tính thanh khoản, mức sinh lời dự tính tài sản do chịu tác động tỷ giá (tiền trong hoạt động ngân hàng luôn tồn tại dưới hai trạng thái là ngoại tệ và đồng tiền Việt Nam). Hơn nữa, phần lớn tài sản của ngân hàng là các khoản tín dụng nên giá trị tài sản phụ thuộc nhiều vào chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp vay vốn. Đồng thời việc xác định giá trị thương hiệu của ngân hàng cũng



là vấn đề khá phức tạp còn đang tranh cãi.

Thứ hai, quá trình CPH NHTM NN phải giải quyết triệt để các tranh chấp kinh tế, giải quyết nợ xấu, nợ tồn đọng... Giai đoạn này cần nhiều thời gian để xử lý nhất.

Thứ ba, do hoạt động ngân hàng là lĩnh vực kinh tế nhạy cảm thường bị tác động của yếu tố tâm lý dẫn đến tác động xấu có tính dây chuyền nên trong quá trình thực hiện phải cần trọng ở các khía cạnh như:

(i) Nhà nước nhất thiết phải nắm giữ cổ phiếu tối thiểu là 51% để kiểm soát hoạt động của NHTM NN sau khi CPH, đồng

thời nhằm mục đích triển khai chính sách tiền tệ. Có thể trước mắt chỉ phát hành cổ phiếu ưu đãi, các cổ đông không có quyền biểu quyết và điều hành, và cho phép tham gia cổ đông nước ngoài ở mức nhất định.

(ii) Thành lập Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa gồm đại diện các cơ quan quản lý như Bộ tài chính, NHNN, NHTM NN được cổ phần hóa... để quyết định. Tuy nhiên, để đạt được sự thống nhất của các cơ quan hữu quan liên quan phải mất một khoảng thời gian nhất định.

Vì thế một khung pháp lý cho CPH NHTM NN trên cơ sở nghiên cứu chuẩn mực quốc tế

và điều kiện thực tế Việt Nam là cần thiết. Việc đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông nhỏ, việc coi trọng cho các NHTM NN sau CPH để các ngân hàng này thực sự trở thành một ngân hàng cổ phần năng động hiệu quả... cũng cần được quan tâm thỏa đáng. Mặt khác để đẩy nhanh quá trình CPH, các NHTM NN cần: Nâng cao năng lực quản trị điều hành theo chuẩn mực quốc tế, tăng vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ CAR (theo tiêu chuẩn Basel II), đầu tư công nghệ hiện đại, tăng cường quản trị rủi ro, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực để đáp ứng được các yêu cầu công việc khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế ■

VAI TRÒ CỦA NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI...

(Tiếp theo trang 10)

CHÚ THÍCH:

* Cách đo tính cạnh tranh của họ có sự khác biệt vì dựa trên phương pháp cơ cấu còn gây tranh cãi. Nó kiểm tra liệu một sự gia tăng giá đầu vào có làm tăng cả chi phí cận biên và tổng doanh thu với cùng một mức như tăng chi phí (cạnh tranh hoàn hảo), hay liệu một sự gia tăng giá đầu vào có làm tăng chi phí cận biên, giảm sản lượng cân bằng và do đó, giảm tổng doanh thu (độc quyền), hay một thay đổi nào đó nằm trong 2 hướng trên.

^b Họ cũng cho rằng các NH không chuyên môn hoá ở châu Á có lợi nhuận cao hơn so với các NH chuyên môn hoá trong cuộc khủng hoảng, đạt chênh lệch lãi suất cao hơn và các khoản cho vay không sinh lời nhỏ hơn.

^c Claessens và các tác giả khác (2002) biện minh rằng các NH nước

ngoài ở các thị trường mới nổi có lợi nhuận ròng cao hơn, cũng như tổng chi phí cao hơn, vì vậy, thu nhập cao hơn chưa hẳn là do hiệu quả cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Barth, J., G. Caprio and R. Levine (2001): "Bank regulation and supervision: what works best?" *World Bank Policy Research Working Paper No 2775*, August.

Claessens S., A. Demirguc-Kunt and H. Huizinga (2001): "How does foreign entry affect domestic banking markets?". *Journal of Banking and Finance* 25

Claessens S., and L. Laeven (2003): "What drives bank competition? Some international evidence, mimeo, WB, February.

Demirguc-Kunt A., L. Laeven and R. Levine (2003): *Regulations,*

market structure, institutions, and the cost of financial intermediation, WB, mimeo, 22 July.

Detragiache E. and P. Gupta (2004): "Foreign banks in emerging market crises: evidence from Malaysia". *IMF Working Paper*.

Kim H. E and B. Y. Lee (2003) "The effects of foreign bank entry on the performance of private banks in Korea. <http://www.bis.org/publ/cgfs22cbpapers.html>.

Levy Yeyati E. and A. Micco (2003): "Concentration and foreign participation in Latin American banking sectors: impact on competition and risk". *WB No 499, Inter-American Development Bank*

Martinez Peria M., A. Powell and I. Hollar (2002): *Banking on foreigners: the behavior of international bank lending to Latin America, 1985-2000*".